

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
KHOA LUẬT
BỘ MÔN LUẬT KINH DOANH

ĐỀ CƯƠNG MÔN HỌC LUẬT KINH TẾ

[cuu duong than cong. com](http://cuuduongthancong.com)

(Chương trình đào tạo của Trường Đại học Kinh tế - ĐHQGHN)

[cuu duong than cong. com](http://cuuduongthancong.com)

HÀ NỘI – 2007

BẢNG TỪ VIẾT TẮT

BT	Bài tập
CTCP	Công ti cổ phần
DNTN	Doanh nghiệp tư nhân
ĐĐ	Địa điểm
ĐKKD	Đăng kí kinh doanh
HTX	Hợp tác xã
HKD	Hộ kinh doanh
HNCN	Hội nghị chủ nợ
KTĐG	Kiểm tra đánh giá
LT	Lí thuyết
LVN	Làm việc nhóm
MT	Mục tiêu
NC	Nghiên cứu
TG	Thời gian
TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
VĐ	Vấn đề

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
KHOA LUẬT
BỘ MÔN LUẬT KINH DOANH

Hệ đào tạo: Cử nhân luật (chính quy)
Tên môn học: Luật kinh tế
Số tín chỉ: 02
Môn học: Bắt buộc

1. THÔNG TIN VỀ GIẢNG VIÊN

1. ThS. Nguyễn Trọng Điệp – Bộ môn Luật kinh doanh
Điện Thoại: 0953314191
2. ThS. Trần Anh Tú - Bộ môn luật kinh doanh
Điện thoại: 0989357438
E-mail: tutrananh78@yahoo.com

Văn phòng Bộ môn luật kinh doanh

P 503, Nhà E1, Số 144, đường Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội

Điện thoại: 04.7548516

Giờ làm việc: 8h00 - 17h00 hàng ngày (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ)

2. THÔNG TIN VỀ MÔN HỌC

- Tên môn học: Luật kinh tế
- Số tín chỉ: 02
- Môn học: Bắt buộc
- Các môn học tiên quyết: Nhà nước và Pháp luật đại cương
- Các môn học kế tiếp:
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
 - + Nghe giảng lý thuyết: 15
 - + Thảo luận: 05
 - + Làm bài tập trên lớp: 05
 - + Tự học xác định: 05

3. MỤC TIÊU CỦA MÔN HỌC

• Về kiến thức

1. Có những hiểu biết toàn diện về thương nhân và hành vi thương mại;
2. Nắm được các đặc điểm pháp lí của các loại thương nhân, bao gồm: CTCP, công ti TNHH, công ti hợp danh, doanh nghiệp tư nhân, hộ kinh doanh, nhóm công ti
3. Nhận diện được từng loại hình doanh nghiệp, phân biệt chúng và đánh giá được ưu điểm, hạn chế của từng loại;
4. Nắm được quy định về thành lập doanh nghiệp và quy chế pháp lí về thành viên đầu tư thành lập và góp vốn vào doanh nghiệp;
5. Nắm được quy định pháp luật về vốn của các loại hình doanh nghiệp;
6. Nắm được quy định về cơ cấu tổ chức, quản lí doanh nghiệp (quản trị doanh nghiệp);
7. Hiểu được những nội dung cơ bản của quyền tự do kinh doanh, phân tích được một số rào cản quyền tự do kinh doanh trong pháp luật hiện hành và thực tiễn áp dụng;
8. Nắm được mục đích, các hình thức và cách thức tổ chức lại doanh nghiệp;
9. Nắm được bản chất, điều kiện của việc chấm dứt hoạt động doanh nghiệp thông qua giải thể và phá sản;
10. Trình bày được thủ tục giải quyết yêu cầu phá sản doanh nghiệp, HTX;
11. Nắm được bản chất của hợp đồng, các loại hợp đồng phổ biến, điều kiện có hiệu lực của HĐ, HĐ vô hiệu và cách thức xử lý
12. Nắm được quy định của pháp luật về các loại chế tài được áp dụng khi có hành vi vi phạm hợp đồng.

• Về kĩ năng

1. Hình thành và phát triển năng lực thu thập thông tin, kĩ năng tổng hợp, hệ thống hóa các vấn đề trong mối quan hệ tổng thể; kĩ năng so sánh, phân tích, bình luận, đánh giá các vấn đề của luật thương mại;
2. Thành thạo một số kĩ năng tìm, tra cứu và sử dụng các quy định của pháp luật để giải quyết các tình huống nảy sinh trong thực tiễn kinh doanh;
3. Vận dụng kiến thức về doanh nghiệp để có thể tư vấn lựa chọn loại hình doanh nghiệp phù hợp yêu cầu, khả năng của chủ đầu tư;
4. Vận dụng kiến thức về doanh nghiệp để giải quyết tranh chấp phát sinh trong quá trình thành lập, hoạt động của doanh nghiệp;
5. Vận dụng kiến thức về phá sản và giải thể để giải quyết các tình huống liên quan đến lợi ích của doanh nghiệp, chủ nợ của doanh nghiệp và người lao động khi doanh nghiệp chấm dứt hoạt động;
6. Có kĩ năng bình luận, đánh giá các quy định pháp luật thực định nhằm hoàn thiện và nâng cao hiệu quả áp dụng.

• Về thái độ

1. Hình thành nhận thức và thái độ đúng đắn về quyền tự do kinh doanh của tổ chức, cá nhân trong nền kinh tế thị trường;
2. Hình thành thái độ khách quan đối với lợi ích cần được bảo vệ của các chủ thể có liên quan đến hoạt động kinh doanh, bao gồm lợi ích của thương nhân, chủ nợ của thương nhân, của

người lao động và của Nhà nước.

• **Mục tiêu nhận thức chi tiết**

MT VĐ	Bậc 1	Bậc 2	Bậc 3
1. Thương nhân và hành vi thương mại	1A1. Nêu được khái niệm thương nhân và dấu hiệu pháp lí để xác định thương nhân. 1A2. Nêu được 3 loại thương nhân. 1A3. Nêu được khái niệm hành vi thương mại và đặc điểm của hành vi thương mại. 1A4. Nêu được 3 loại hành vi thương mại (theo tính chất của hành vi và chủ thể thực hiện hành vi). 1A5. Nêu được khái niệm trách nhiệm vô hạn, TNHH của thương nhân và các thương nhân phải chịu trách nhiệm vô hạn, hữu hạn. 1A6. Nêu được khái niệm quyền tự do kinh doanh của thương nhân. 1A7. Nêu được quyền và nghĩa vụ của thương nhân theo quy định doanh Điều 8 và Điều 9 Luật doanh nghiệp năm 2005.	1B1. Phân tích được dấu hiệu pháp lí của thương nhân; phân biệt thương nhân với doanh nghiệp và chủ thể kinh doanh khác. 1B2. Phân biệt được 3 loại thương nhân. 1B3. Phân biệt được 2 khái niệm: Kinh doanh, thương mại. 1B4. Nhận diện được 3 loại hành vi thương mại và xác định được luật áp dụng. 1B5. Phân tích được chế độ trách nhiệm tài sản của thương nhân (chế độ trách nhiệm vô hạn, TNHH). 1B6. Phân tích được khái niệm, nội dung của quyền tự do kinh doanh của doanh nghiệp. 1B7. So sánh được quyền và nghĩa vụ của các doanh nghiệp theo Luật doanh nghiệp với quyền và nghĩa vụ của công ti nhà nước.	1C1. Bình luận được các quy định của pháp luật Việt Nam về thương nhân, doanh nghiệp. 1C2. Bình luận được các khái niệm kinh doanh, thương mại thể hiện qua các quy định của pháp luật Việt Nam (Luật doanh nghiệp, Luật thương mại, Pháp lệnh TTIM, BLTTDS...) 1C3. Bình luận được ý nghĩa của việc áp dụng chế độ trách nhiệm vô hạn và TNHH trong kinh doanh. 1C4. Nhận xét được thực tiễn thực hiện quyền tự do kinh doanh của doanh nghiệp. 1C5. Bình luận được những hạn chế của pháp luật trong việc bảo đảm quyền tự do kinh doanh.
2. Bản chất của DNTN và HKD	2A1. Nêu được khái niệm doanh nghiệp và dấu hiệu pháp lí của doanh nghiệp. 2A2. Nêu được khái niệm DNTN và dấu hiệu pháp lí của DNTN. 2A3. Nêu được các quyền	2B1. Phân tích được dấu hiệu pháp lí của DNTN. 2B2. Nhận thức được vai trò của DNTN trong nền kinh tế thị trường. 2B3. Phân tích được các quyền và nghĩa vụ của chủ DNTN đối với DNTN.	2C1. Bình luận và lí giải được vì sao trong nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung và bao cấp không có loại hình DNTN. 2C2. Bình luận được mối quan hệ giữa DNTN và

	của chủ doanh nghiệp tư nhân đối với DNTN. 2A4. Nêu được khái niệm hộ kinh doanh. 2A5. Nêu được đặc điểm pháp lí của hộ kinh doanh. 2A6. Nêu được thủ tục đăng ký kinh doanh của hộ kinh doanh.	2B4. Nhận thức được vai trò của hộ kinh doanh trong nền kinh tế thị trường trong giai đoạn hiện nay. 2B5. Phân tích được đặc điểm pháp lí của hộ kinh doanh; Phân biệt hộ kinh doanh với doanh nghiệp tư nhân. 2B6. Vận dụng được quy định pháp luật để lập hồ sơ đăng ký kinh doanh của hộ kinh doanh.	chủ DNTN. 2C3. Bình luận được các quy định pháp luật hiện hành về HKD và đưa ra quan điểm về hoàn thiện những quy định đó.
3. Bản chất pháp lí của công ti hợp danh	3A1. Nêu được khái niệm và đặc điểm pháp lí của công ti hợp danh. 3A2. Nêu được dấu hiệu pháp lí của công ti hợp danh theo quy định của pháp luật Việt Nam. 3A3. Nêu được 2 loại thành viên công ti hợp danh. 3A4. Nhận biết được bộ máy quản lí công ti hợp danh và chức năng nhiệm vụ của chúng. 3A5. Nêu được khái niệm về vốn của công ti hợp danh. 3A6. Nêu được cơ cấu tài sản của công ti hợp danh.	3B1. Phân tích được dấu hiệu đặc trưng của công ti hợp danh. 3B2. Phân tích đặc điểm pháp lí của công ti hợp danh theo Luật doanh nghiệp Việt Nam. 3B3. Phân tích được chế độ trách nhiệm vô hạn và TNHH của 2 loại thành viên công ti hợp danh. 3B4. Phân tích được nghĩa vụ góp vốn của thành viên công ti hợp danh.	3C1. Bình luận được về tư cách pháp nhân của công ti hợp danh theo pháp luật Việt Nam. 3C2. Đưa ra được quan điểm đánh giá về công ti hợp danh theo pháp luật Việt Nam với công ti hợp danh theo quan niệm truyền thống ở nhiều nước trên thế giới. 3C3. Bình luận được về sự liên đới chịu trách nhiệm vô hạn của các thành viên hợp danh.
4. Bản chất pháp lí của CTCP	4A1. Nêu được lịch sử hình thành và phát triển của CTCP. 4A2. Nêu được khái niệm về CTCP và đặc điểm pháp lí của CTCP. 4A3. Nêu được khái niệm: Vốn điều lệ, cổ phần, cổ phiếu, cổ tức, vốn vay, trái phiếu của CTCP. 4A4. Nêu được phương thức huy động vốn của CTCP. 4A5. Nêu được bản chất pháp lí của chuyển nhượng cổ phần.	4B1. Phân tích được đặc điểm pháp lí của CTCP và so sánh CTCP với một số loại công ti khác. 4B2. Phân biệt được 2 loại chứng khoán do CTCP phát hành (cổ phiếu, trái phiếu). 4B3. Phân tích được phương thức huy động vốn chủ yếu của CTCP (phát hành chứng khoán). 4B4. Phân biệt được chuyển nhượng cổ phần và mua lại cổ phần.	4C1. Bình luận được quy định về các loại cổ phần của CTCP. 4C2. Đánh giá được ưu thế của CTCP so với các loại hình công ti khác thông qua các đặc điểm pháp lí về vốn. 4C3. Bình luận được quy định về mua lại cổ phần của CTCP.

	4A6. Nêu được bản chất pháp lí của mua lại cổ phần.		
5. Bản chất pháp lí của công ti TNHH	5A1. Nêu được khái niệm và các đặc điểm của công ti TNHH hai thành viên trở lên theo Luật doanh nghiệp năm 2005; nêu được khái niệm và đặc điểm của công ti TNHH hai thành viên trở lên theo pháp luật các nước trên thế giới. 5A2. Nêu được khái niệm và đặc điểm của công ti TNHH 1 thành viên theo Luật doanh nghiệp năm 2005; nêu được khái niệm và đặc điểm của công ti TNHH 1 thành viên theo pháp luật thế giới. 5A3. Nêu được phương thức góp vốn của thành viên vào công ti TNHH. 5A4. Nêu được thủ tục tăng, giảm vốn điều lệ của công ti TNHH. 5A5. Nêu được thủ tục chuyển nhượng vốn của công ti TNHH. 5A6. Nêu được thủ tục mua lại vốn góp của thành viên công ti TNHH.	5B1. Phân biệt được công ti TNHH hai thành viên trở lên với các chủ thể kinh doanh khác như CTCP, công ti hợp danh... 5B2. Phân biệt được công ti TNHH 1 thành viên với doanh nghiệp tư nhân. 5B3. Phân tích được quyền phát hành chứng khoán của công ti TNHH. 5B4. Phân tích được những điều kiện giảm vốn điều lệ của công ti TNHH và ý nghĩa của quy định này. 5B5. Phân biệt được chuyển nhượng vốn và mua lại vốn góp của công ti TNHH.	5C1. Bình luận được các quy định pháp luật của Việt nam về công ti TNHH hai thành viên trở lên so với các quy định pháp luật thế giới; đưa ra nhận xét và ý kiến cá nhân. 5C2. Bình luận được các quy định của pháp luật Việt nam về công ti TNHH 1 thành viên so với các quy định pháp luật thế giới; đưa ra nhận xét và ý kiến cá nhân. 5C3. Bình luận được quy định về việc góp vốn của thành viên vào công ti TNHH. 5C4. Bình luận được quy định về chuyển nhượng vốn của công ti TNHH. 5C5. Bình luận được quy định về mua lại vốn góp của thành viên công ti TNHH.
6. Một số đặc thù của	6A1. Nêu được một cách khái quát lịch sử hình thành, phát triển công ti nhà nước ở Việt Nam; nêu được đặc trưng pháp lí của công ti nhà	6B1. Nhận diện được công ti nhà nước và phân biệt công ti nhà nước với các loại hình doanh nghiệp khác, đặc biệt so sánh với các doanh nghiệp	6C1. Bình luận được quá trình hình thành và phát triển công ti nhà nước ở Việt Nam; Nhận xét quy định của pháp luật hiện hành về khái niệm công ti

công ti nhà nước	nước. 6A2. Nêu được cách thức tổ chức, quản lí công ti nhà nước. 6A3. Kể được các cơ quan đại diện chủ sở hữu công ti nhà nước, các quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu nhà nước đối với công ti nhà nước. 6A4. Nêu được 3 hình thức chuyển đổi sở hữu công ti nhà nước. 6A5. Nêu được mục tiêu, đối tượng áp dụng chuyển đổi công ti nhà nước cũng như những nội dung pháp lí cơ bản để thực hiện việc chuyển đổi.	thuộc sở hữu một chủ khác. 6B2. Phân biệt được mô hình tổ chức quản lí nội bộ của công ti nhà nước so với các loại hình doanh nghiệp khác. 6B3. Phân tích được quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu công ti nhà nước. 6B4. Phân biệt được 3 hình thức chuyển đổi sở hữu công ti nhà nước. 6A5. Vận dụng các quy định pháp luật để giải quyết các tình huống cụ thể khi thực hiện mỗi giải pháp chuyển đổi sở hữu công ti nhà nước.	nhà nước. 6C2. Lí giải được đặc thù trong các quy định về tổ chức quản lí công ti nhà nước so với các loại hình doanh nghiệp khác. 6C3. Nhận xét được các quy định của pháp luật hiện hành về thực hiện quyền chủ sở hữu nhà nước đối với công ti nhà nước. 6C4. Bình luận được về sự cần thiết thực hiện các hình thức chuyển đổi sở hữu công ti nhà nước. 6C5. Đánh giá được thực trạng các quy định pháp luật thực định về các giải pháp chuyển đổi sở hữu công ti nhà nước.
7. Thành lập doanh nghiệp và quy chế thành viên	7A1. Nêu được thủ tục thành lập doanh nghiệp: Đối tượng có quyền thành lập, hồ sơ thành lập, cơ quan có thẩm quyền cấp ĐKKD, điều kiện, thời hạn cấp ĐKKD, thời điểm khai sinh tư cách pháp lí cho doanh nghiệp và thời điểm hoạt động của doanh nghiệp. 7A2. Nêu được quy chế pháp lí về thành viên: Đối tượng có quyền trở thành thành viên sáng lập, quản lí hoặc góp vốn, điều kiện trở thành thành viên, quyền và nghĩa vụ của thành viên, chấm dứt tư cách thành viên. 7A3. Nêu được ý nghĩa pháp lí của việc trở thành thành viên.	7B1. - Phân biệt được thủ tục thành lập các loại doanh nghiệp khác nhau theo Luật doanh nghiệp năm 2005, Luật doanh nghiệp nhà nước năm 2003, Luật HTX năm 2003; - Vận dụng các quy định pháp luật hiện hành để giải quyết tình huống liên quan đến thành lập doanh nghiệp. 7B2. Phân biệt được thành viên của các loại doanh nghiệp với nhau: Cổ đông CTCP, thành viên công ti TNHH 2 thành viên trở lên, thành viên công ti hợp danh, xã viên HTX. 7B3. Phân tích được quy chế pháp lí về thành viên của các loại hình doanh nghiệp.	7C1. Bình luận được các quy định pháp luật hiện hành về thành lập doanh nghiệp và ĐKKD đối với các loại hình doanh nghiệp. 7C2. Đánh giá được ý nghĩa pháp lí của việc thành lập doanh nghiệp và đăng ký kinh doanh. 7C3. Đánh giá được các quy định pháp luật hiện hành về quy chế pháp lí về thành viên.

8. Quy chế pháp lý về quản trị doanh nghiệp	8A1. Nêu được khái niệm về quản trị doanh nghiệp, quy chế pháp lý về quản trị doanh nghiệp. 8A2. Trình bày được mô hình quản trị doanh nghiệp theo quy định của: Luật doanh nghiệp nhà nước năm 2003, Luật doanh nghiệp năm 2005.	8B1. Phân tích được 3 yếu tố ảnh hưởng đến quản trị doanh nghiệp. 8B2. So sánh được mô hình quản trị giữa các doanh nghiệp. 8B3. Phân tích được chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các bộ phận trong cơ cấu tổ chức của doanh nghiệp.	8C1. Lí giải được về sự khác nhau trong việc quản trị các loại doanh nghiệp; Bình luận, đánh giá để xây dựng các mô hình quản trị doanh nghiệp phù hợp với nền kinh tế Việt Nam.
9. Quy chế pháp lý về tổ chức lại và giải thể doanh nghiệp	9A1. Nêu được khái niệm tổ chức lại doanh nghiệp. 9A2. Nêu 4 hình thức tổ chức lại doanh nghiệp. 9A3. Nêu được người có thẩm quyền quyết định tổ chức lại doanh nghiệp đối với từng loại doanh nghiệp. 9A4. Nêu được trường hợp tổ chức lại doanh nghiệp bị cấm. 9A5. Nêu được trường hợp giải thể doanh nghiệp. 9A6. Nêu được thủ tục giải thể các loại doanh nghiệp 9A7. Nêu được thủ tục phân chia tài sản của doanh nghiệp bị giải thể.	9B1. Nhận thức được tác dụng của các quy định về tổ chức lại doanh nghiệp. 9B2. Phân tích và so sánh được các hình thức tổ chức lại doanh nghiệp. 9B3. Phân tích được điều kiện có hiệu lực của quyết định tổ chức lại doanh nghiệp (là các công ti TNHH và CTCP). 9B4. Phân tích được lí do pháp luật cấm một số trường hợp tổ chức lại doanh nghiệp. 9B5. Phân tích được thủ tục giải thể các loại doanh nghiệp. 9B6. Phân biệt được giải thể tự nguyện và giải thể bắt buộc.	9C1. Bình luận và đánh giá được các quy định về tổ chức lại doanh nghiệp trong Luật doanh nghiệp năm 2005. 9C2. Bình luận được các quy định liên quan đến các trường hợp tổ chức lại doanh nghiệp bị cấm. 9C3. Bình luận được quy định phân chia tài sản khi giải thể doanh nghiệp.
10. Khái quát về phá sản và pháp luật về phá sản	10A1. Nêu được khái niệm doanh nghiệp, HTX lâm vào tình trạng phá sản theo pháp luật hiện hành của Việt Nam. 10A2. Nêu được tính chất đặc thù của thủ tục phá sản. 10A3. Nêu được sự khác nhau giữa phá sản với giải thể. 10A4. Nêu được khái niệm và đặc thù của pháp luật về phá sản. 10A5. Nêu được nội dung chủ yếu của pháp luật về	10B1. Phân tích được dấu hiệu pháp lý để xác định doanh nghiệp, HTX lâm vào tình trạng phá sản theo pháp luật hiện hành của Việt Nam; so sánh và đối chiếu được với Luật phá sản doanh nghiệp năm 1993 và pháp luật của một số nước trên thế giới về vấn đề này. 10B2. Chỉ ra và phân tích được những biểu hiện đặc biệt của thủ tục phá sản doanh nghiệp, HTX. 10B3. Phân tích cụ thể những điểm khác biệt giữa phá sản và giải thể. 10B4. Phân tích được khái niệm và đặc điểm của pháp	10C1. Bình luận và đánh giá được các ưu điểm và hạn chế của các dấu hiệu pháp lý để xác định tình trạng mất khả năng thanh toán nợ đến hạn của doanh nghiệp, HTX theo pháp luật hiện hành của Việt Nam.

	phá sản.	luật về phá sản. 10B5. Phân tích được nội dung chủ yếu của pháp luật Việt Nam về phá sản.	
11. Thủ tục phá sản doanh nghiệp, HTX	11A1. Nêu được đối tượng có quyền, nghĩa vụ nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản. 11A2. Nêu được thủ tục nộp và thụ lí đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản. 11A3. Nêu được căn cứ, nội dung chính của quyết định mở thủ tục phá sản; Nêu được nghĩa vụ thông báo về quyết định mở thủ tục phá sản. 11A4. Nêu được thủ tục triệu tập và tiến hành hội nghị chủ nợ; - Nêu được thành phần tham gia HNCN; - Nêu được nội dung của HNCN lần thứ nhất; - Nêu được điều kiện hợp lệ của HNCN; - Nêu được các trường hợp hoãn HNCN. 11A5. Nêu được điều kiện áp dụng thủ tục phục hồi; - Nêu được nội dung chủ yếu của phương án phục hồi; - Nêu được thủ tục xem xét và thông qua phương án phục hồi hoạt động kinh doanh; - Nêu được thời hạn thực hiện phương án phục hồi hoạt động kinh doanh; - Nêu được các căn cứ đình chỉ thủ tục phục hồi hoạt động kinh doanh và hậu quả pháp lí của nó. 11A6. Nêu được căn cứ áp dụng thủ tục thanh lí tài sản, các khoản nợ;	11B1. Phân tích được các điều kiện để các đối tượng đó thực hiện quyền, nghĩa vụ nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản. 11B2. Phân tích được hậu quả pháp lí của quyết định mở thủ tục phá sản. 11B3. So sánh điều kiện hợp lệ của HNCN theo pháp luật hiện hành với quy định này tại Luật phá sản doanh nghiệp năm 1993. 11B4. Phân tích được các quy định pháp luật hiện hành về thủ tục phục hồi doanh nghiệp, HTX lâm vào tình trạng phá sản. 11B5. Phân tích được căn cứ áp dụng thủ tục thanh lí tài sản, các khoản nợ; - Phân tích được sự khác biệt giữa căn cứ đình chỉ thủ tục phá sản khi có người tham gia HNCN vắng mặt tại Điều 67 và căn cứ áp dụng thủ tục thanh lí tài sản khi HNCN không thành tại Điều 79 Luật phá sản năm 2004. 11B6. Phân tích được căn cứ để toà án ra quyết định tuyên bố doanh nghiệp, HTX bị phá sản.	11C1. Bình luận được việc Luật phá sản năm 2004 mở rộng đối tượng có quyền nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản. 11C2. Bình luận được việc mở rộng thẩm quyền của toà án trong việc giải quyết yêu cầu mở thủ tục phá sản. 11C3. Bình luận được ý nghĩa và vai trò của hội nghị chủ nợ lần thứ nhất trong thủ tục phá sản. 11C4. Bình luận được ý nghĩa của thủ tục phục hồi trong thủ tục phá sản. 11C5. Bình luận được quy định về thứ tự phân chia tài sản trong thủ tục thanh lí tài sản. 11C6. Bình luận được quy định về căn cứ đặc biệt để toà án ra quyết định tuyên bố doanh nghiệp, HTX bị phá sản.

	- Nêu được các loại tài sản phá sản; - Nêu được thứ tự phân chia tài sản phá sản; - Nêu được căn cứ đình chỉ thủ tục thanh lý tài sản. 11A7. Nêu được căn cứ để toà án ra quyết định tuyên bố doanh nghiệp, HTX bị phá sản. 11A8. Nêu được thủ tục khiếu nại, kháng nghị và giải quyết khiếu nại, kháng nghị quyết định tuyên bố phá sản.		
12 Khái niệm, đặc điểm và phân loại hợp đồng	12A1. Nêu được khái niệm hợp đồng 12A2. Nêu được các đặc điểm của hợp đồng: chủ thể, đối tượng, mục đích của hợp đồng... 12A3. Nêu được các điều kiện có hiệu lực của hợp đồng 12A4. Nêu được các hình thức của hợp đồng 12A5. Nêu được các căn cứ và cách thức phân loại hợp đồng	12B1. Phân tích được khái niệm hợp đồng và các đặc điểm của hợp đồng 12B2. Phân tích được các điều kiện có hiệu lực của hợp đồng	12C1. Bình luận được ý nghĩa và nguyên tắc của thuyết tự do ý chí trong giao kết hợp đồng 12C2. Bình luận về các điều kiện có hiệu lực của hợp đồng 12C3. Bình luận về các hình thức của hợp đồng
13. Giao kết và thực hiện hợp đồng	13A1. Nêu được cách thức giao kết hợp đồng: trực tiếp, gián tiếp 13A2. Nêu được các quy định về chào hàng và chấp nhận chào hàng, hiệu lực của chào hàng 13A3. Nêu được các nguyên tắc trong thực hiện hợp đồng	13B1. Phân tích được các quy định về chào hàng và chấp nhận chào hàng, hiệu lực của chào hàng 13B2. Phân tích được các quy định về nghĩa vụ và sự ràng buộc của bên chào hàng, bên nhận chào hàng trong thời gian hiệu lực của chào hàng 13B3. Phân tích được các nguyên tắc của việc thực hiện hợp đồng	13C1. Bình luận được các quy định về chào hàng, phân biệt chào hàng với hoạt động quảng cáo, phát tờ rơi, áp phích... 13C2. Bình luận và so sánh được các quy định về bên chào hàng và bên nhận chào hàng, hiệu lực của chào hàng của một số nước trên thế giới
14 Hợp đồng vô hiệu	14A1. Nêu được khái niệm hợp đồng vô hiệu 14A2. Nêu được các căn cứ vô hiệu của hợp đồng	14B1. Phân tích được khái niệm và bản chất của hợp đồng vô hiệu 14B2. Phân tích được các căn	14C1. Bình luận được ý nghĩa của việc phân loại hợp đồng vô hiệu tuyệt đối và tương đối cũng

hiệu và xử lý hợp đồng vô hiệu	14A3. Nêu được các cách thức phân loại hợp đồng vô hiệu: Vô hiệu tuyệt đối, vô hiệu tương đối; vô hiệu toàn bộ, vô hiệu từng phần 14A4. Nêu được các quy định và nguyên tắc để xử lý hợp đồng vô hiệu - Vô hiệu toàn bộ - Vô hiệu từng phần	cứ làm cho hợp đồng vô hiệu 14B3. Phân tích được các quy định về việc xử lý hợp đồng vô hiệu	nghĩa của việc áp dụng các hình thức chế tài này
15 Chế tài dành cho vi phạm hợp đồng	15A1. Nắm được khái niệm vi phạm hợp đồng 15A2. Nêu được các hình thức chế tài dành cho hành vi vi phạm hợp đồng 15A3. Nêu được các trường hợp miễn giảm trách nhiệm vật chất do vi phạm hợp đồng	15B1. Phân tích được các quy định về các hình thức chế tài 15B2. Phân tích được các trường hợp miễn giảm trách nhiệm vật chất do vi phạm hợp đồng	15C1. So sánh được sự giống và khác nhau của các hình thức chế tài và ý nghĩa của việc áp dụng các hình thức chế tài này

• Tổng hợp mục tiêu

- Mục tiêu nhận thức: 185

BẢNG TỔNG HỢP MỤC TIÊU

Mục tiêu Vấn đề	Bậc 1	Bậc 2	Bậc 3	Các mục tiêu khác
Vấn đề 1	7	7	5	
Vấn đề 2	6	6	3	
Vấn đề 3	6	4	3	
Vấn đề 4	6	4	3	
Vấn đề 5	6	5	5	
Vấn đề 6	5	5	5	
Vấn đề 7	3	3	3	
Vấn đề 8	2	3	1	
Vấn đề 9	7	6	3	
Vấn đề 10	5	5	1	
Vấn đề 11	8	6	6	
Vấn đề 12	5	2	3	

Vấn đề 13	3	3	2	
Vấn đề 14	4	3	1	
Vấn đề 15	3	2	1	
Tổng mục tiêu	76	64	45	

4. TÓM TẮT NỘI DUNG MÔN HỌC

Luật kinh tế là môn khoa học pháp lí chuyên ngành, cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về thương nhân và hành vi thương mại, về hợp đồng. Bên cạnh đó, luật kinh tế còn cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức về phá sản.

5. NỘI DUNG CHI TIẾT

Vấn đề 1: Thương nhân và hành vi thương mại

- 1.1. Thương nhân
 - 1.1.1. Khái niệm
 - 1.1.2. Đặc điểm thương nhân
 - 1.1.3. Phân loại thương nhân
 - 1.1.4. Chế độ trách nhiệm tài sản của thương nhân (chế độ trách nhiệm vô hạn và TNHH)
 - 1.1.5. Quyền và nghĩa vụ cơ bản của thương nhân
- 1.2. Hành vi thương mại
 - 1.2.1. Khái niệm hành vi thương mại
 - 1.2.2. Đặc điểm của hành vi thương mại
 - 1.2.3. Phân loại hành vi thương mại.

Vấn đề 2: Bản chất pháp lí của doanh nghiệp tư nhân và hộ kinh doanh

- 2.1. Bản chất pháp lí của doanh nghiệp tư nhân
 - 2.1.1. Khái niệm doanh nghiệp và DNTN
 - 2.1.2. Dấu hiệu pháp lí của DNTN
 - 2.1.3. Quyền của chủ DNTN đối với DNTN
- 2.2. Bản chất của hộ kinh doanh
 - 2.2.1. Khái niệm hộ kinh doanh
 - 2.2.2. Đặc điểm pháp lí của hộ kinh doanh
 - 2.2.3. Đăng ký kinh doanh đối với hộ kinh doanh.

Vấn đề 3: Bản chất pháp lí của công ti hợp danh

- 3.1. Khái niệm và đặc điểm của công ti hợp danh
 - 3.1.1. Khái niệm
 - 3.1.2. Đặc điểm
- 3.2. Quản lí công ti hợp danh
- 3.3. Thành viên công ti hợp danh

- 3.3.1. Thành viên hợp danh
- 3.3.2. Thành viên góp vốn
- 3.4. Quy chế pháp lý về vốn của công ti hợp danh.

Vấn đề 4: Bản chất pháp lý của công ti cổ phần

- 4.1. Lịch sử hình thành và phát triển của CTCP
- 4.2. Khái niệm CTCP và đặc điểm pháp lý của CTCP
 - 4.2.1. Khái niệm CTCP
 - 4.2.2. Đặc điểm pháp lý của CTCP
- 4.3. Quy chế pháp lý về vốn của CTCP
 - 4.3.1. Khái niệm về vốn và cấu trúc vốn của doanh nghiệp
 - 4.3.2. Tài sản góp vốn và chuyển quyền sở hữu tài sản góp vốn
 - 4.3.3. Định giá tài sản góp vốn
 - 4.3.4. Huy động vốn
 - 4.3.5. Tăng, giảm vốn điều lệ
 - 4.3.6. Chuyển nhượng và mua lại vốn góp.

Vấn đề 5: Bản chất pháp lý của công ti trách nhiệm hữu hạn

- 5.1. Khái niệm, đặc điểm công ti TNHH
 - 5.1.1. Khái niệm, đặc điểm công ti TNHH 2 thành viên trở lên
 - 5.1.2. Khái niệm, đặc điểm công ti TNHH 1 thành viên
- 5.2. Quy chế pháp lý về vốn của công ti TNHH
 - 5.2.1. Khái niệm về vốn và cấu trúc vốn của doanh nghiệp
 - 5.2.2. Tài sản góp vốn và chuyển quyền sở hữu tài sản góp vốn
 - 5.2.3. Định giá tài sản góp vốn
 - 5.2.4. Huy động vốn
 - 5.2.5. Tăng, giảm vốn điều lệ
 - 5.2.6. Chuyển nhượng và mua lại vốn góp.

Vấn đề 6: Một số đặc thù của công ti nhà nước

- 6.1. Lịch sử hình thành, khái niệm và đặc điểm của công ti nhà nước
 - 6.1.1. Lịch sử hình thành
 - 6.1.2. Khái niệm, đặc điểm của công ti nhà nước
- 6.2. Tổ chức quản lý công ti nhà nước
 - 6.2.1. Công ti nhà nước không có hội đồng quản trị
 - 6.2.2. Công ti nhà nước có hội đồng quản trị
- 6.3. Quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu nhà nước đối với công ti nhà nước
 - 6.3.1. Chủ sở hữu nhà nước và đại diện chủ sở hữu công ti nhà nước
 - 6.3.2. Quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu nhà nước đối với công ti nhà nước
- 6.4. Chuyển đổi sở hữu công ti nhà nước
 - 6.4.1. Các hình thức chuyển đổi sở hữu công ti nhà nước
 - 6.4.2. Mục tiêu và đối tượng áp dụng chuyển đổi sở hữu công ti nhà nước
 - 6.4.3. Nội dung pháp lý cơ bản của việc thực hiện chuyển đổi sở hữu công ti nhà nước.

Vấn đề 7: Thành lập doanh nghiệp và quy chế thành viên của doanh nghiệp

8.1. Thành lập doanh nghiệp

8.1.1. Đối tượng có quyền thành lập doanh nghiệp

8.1.2. Điều kiện thành lập doanh nghiệp

8.1.3. Trình tự, thủ tục thành lập doanh nghiệp

8.2. Quy chế pháp lý về thành viên của doanh nghiệp

8.2.1. Đối tượng có quyền trở thành thành viên

8.2.2. Điều kiện trở thành thành viên

8.2.3. Quyền và nghĩa vụ của thành viên

8.2.4. Chấm dứt tư cách thành viên.

Vấn đề 8: Quy chế pháp lý về quản trị doanh nghiệp

9.1. Khái niệm quản trị doanh nghiệp, quy chế pháp lý về quản trị doanh nghiệp

9.2. Những yếu tố tác động đến quản trị doanh nghiệp

9.3. Nội dung pháp lý về quản trị doanh nghiệp.

Vấn đề 9: Quy chế pháp lý về Tổ chức lại và giải thể doanh nghiệp

10.1. Khái quát và các hình thức tổ chức lại doanh nghiệp

10.1.1. Khái quát chung về tổ chức lại doanh nghiệp

10.1.2. Các hình thức tổ chức lại doanh nghiệp

10.2. Giải thể doanh nghiệp

10.2.1. Các trường hợp giải thể

10.2.2. Thủ tục giải thể.

Vấn đề 10: Khái quát về phá sản và pháp luật về phá sản

11.1. Khái quát về phá sản

11.1.1. Khái niệm phá sản

11.1.2. Phân loại phá sản

11.1.3. Phân biệt phá sản với giải thể

11.2. Khái quát pháp luật phá sản

11.2.1. Khái niệm pháp luật phá sản

11.2.2. Nội dung của pháp luật phá sản

11.2.3. Vai trò của pháp luật phá sản.

Vấn đề 11: Thủ tục phá sản doanh nghiệp, HTX

11.1. Nộp đơn yêu cầu và thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản

11.1.1. Nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản

11.1.2. Thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản

11.2. Mở thủ tục phá sản

11.2.1. Căn cứ để ra quyết định mở hay không mở thủ tục phá sản

11.2.2. Hậu quả pháp lý của quyết định mở thủ tục phá sản

11.3. Hội nghị chủ nợ

11.3.1. Thủ tục triệu tập HNCN

11.3.2. Thành phần tham gia HNCN

- 11.3.3. Nội dung của HNCN lần thứ nhất
- 11.3.4. Điều kiện hợp lệ của HNCN
- 11.3.5. Hoãn HNCN
- 11.3.6. Đình chỉ tiến hành thủ tục phá sản
- 11.4. Thủ tục phục hồi hoạt động kinh doanh
- 11.4.1. Điều kiện áp dụng thủ tục phục hồi và nội dung của phương án phục hồi hoạt động kinh doanh
- 11.4.2. Xem xét, thông qua phương án phục hồi hoạt động kinh doanh
- 11.4.3. Công nhận nghị quyết về phương án phục hồi và giám sát thực hiện phương án phục hồi
- 11.4.4. Thời hạn thực hiện phương án phục hồi
- 11.4.5. Đình chỉ thủ tục phục hồi hoạt động kinh doanh và hậu quả pháp lí
- 11.5. Thủ tục thanh lí tài sản, các khoản nợ
- 11.5.1. Căn cứ áp dụng thủ tục thanh lí tài sản, các khoản nợ
- 11.5.2. Tài sản của doanh nghiệp, HTX lâm vào trình trạng phá sản
- 11.5.3. Thứ tự phân chia tài sản
- 11.5.4. Đình chỉ thủ tục thanh lí tài sản, các khoản nợ
- 11.6. Tuyên bố doanh nghiệp, HTX bị phá sản
- 11.6.1. Căn cứ để toà án ra quyết định tuyên bố doanh nghiệp, HTX bị phá sản
- 11.6.2. Thông báo tuyên bố phá sản
- 11.6.3. Khiếu nại, kháng nghị và giải quyết khiếu nại, kháng nghị quyết định tuyên bố phá sản.

Vấn đề 12: Khái niệm, đặc điểm và phân loại hợp đồng

- 12.1. Khái quát chung về hợp đồng và pháp luật hợp đồng
- 12.1.1. Khái niệm hợp đồng
- 12.1.2. Đặc điểm của hợp đồng
- 12.1.3. Điều kiện có hiệu lực của hợp đồng
- 12.2. Phân loại hợp đồng

Vấn đề 13: Giao kết và thực hiện hợp đồng

- 13.1. Giao kết hợp đồng
- 13.1.1. Giao kết trực tiếp
- 13.1.2. Chào hàng và chấp nhận chào hàng
- 13.2. Thực hiện hợp đồng

Vấn đề 14: Hợp đồng vô hiệu và xử lý hợp đồng vô hiệu

- 14.1. Khái niệm hợp đồng vô hiệu
- 14.1.1. Khái niệm và bản chất của hợp đồng vô hiệu
- 14.1.2. Các trường hợp vô hiệu của HĐ
- 14.2. Xử lý hợp đồng vô hiệu
- 14.2.1. Nguyên tắc xử lý hợp đồng vô hiệu
- 14.2.2. Xử lý hợp đồng vô hiệu toàn bộ
- 14.2.3. Xử lý hợp đồng vô hiệu từng phần

Vấn đề 15: Chế tài dành cho vi phạm hợp đồng

- 15.1. Vi phạm hợp đồng và chế tài
- 15.1.1. Vi phạm hợp đồng

15.1.2. Các loại chế tài

15.1.3. Nguyên tắc áp dụng

15.2. Miễn giảm trách nhiệm vật chất do vi phạm hợp đồng

6. HỌC LIỆU

A. GIÁO TRÌNH

1. Trường Đại học Luật Hà Nội, *Giáo trình luật thương mại* (tập 1 và tập 2), Nxb. CAND, Hà Nội, 2006;
2. Khoa luật - Đại học quốc gia Hà Nội, *Giáo trình luật kinh tế* (tập 1: Luật doanh nghiệp), Nxb. ĐHQG, Hà Nội, 2006.

B. TÀI LIỆU THAM KHẢO BẮT BUỘC

* Sách

1. Khoa Luật trực thuộc ĐHQGHN, *Giáo trình Luật kinh tế*, tập 1 (Luật doanh nghiệp), NXB ĐHQGHN, 2006;
2. Phạm Duy Nghĩa, *Chuyên khảo luật kinh tế*, Nxb. ĐHQG, Hà Nội, 2004;
3. Nguyễn Như Phát (đồng tác giả), *Luật kinh tế Việt Nam*, Nxb. CTQG, Hà Nội, 2002;

* Văn bản quy phạm pháp luật

1. Luật doanh nghiệp nhà nước năm 2003;
2. Luật doanh nghiệp năm 2005;
3. Luật HTX năm 2003;
4. Luật phá sản năm 2004;
5. Luật thương mại năm 2005.
6. Bộ luật dân sự 2005

C. TÀI LIỆU THAM KHẢO LỰA CHỌN

* Sách

1. Francis Lemeunier, *Nguyên lý thực hành luật thương mại, luật kinh doanh*, Nxb. CTQG, Hà Nội, 1993;
2. Friedrich Kuebler & Juergen Simon, *Mấy vấn đề pháp luật kinh tế Cộng hòa Liên bang Đức*, Nxb. Pháp lý, Hà Nội, 1992;
3. Lê Hồng Hạnh (chủ biên), *Những nền tảng pháp lý cơ bản của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam*, Nhà in Trung tâm học liệu, Trường Đại học sư phạm, Hà Nội, 2002;
4. Trần Du Lịch (chủ biên), *Hoàn thiện hệ thống pháp luật về kinh tế để đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa*, Nxb. CTQG, Hà Nội, 2002;
5. Lê Tài Triển, *Luật thương mại Việt Nam dẫn giải*, quyển 1, Kim Lai ấn quán, Sài gòn, 1972;
6. Viện nghiên cứu quản lý kinh tế trung ương, *Doanh nghiệp có vốn đầu tư nhà nước – Pháp luật điều chỉnh và mô hình chủ sở hữu theo kinh nghiệm quốc tế*, Nxb. Thống kê, Hà Nội, 2005.

* Văn bản quy phạm pháp luật

1. Nghị định của Chính phủ số 153/2004/NĐ-CP ngày 9/8/2004 về tổ chức, quản lý công ti nhà

- nước độc lập theo mô hình công ti mẹ - công ti con;
- Nghị định của Chính phủ số 177/2004/NĐ-CP ngày 12/10/2004 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật HTX năm 2003;
 - Nghị định của Chính phủ số 180/2004/NĐ-CP ngày 28/10/2004 về thành lập mới, tổ chức lại và giải thể công ti nhà nước;
 - Nghị định của Chính phủ số 187/2004/NĐ-CP ngày 16/11/2004 về việc chuyển công ti nhà nước thành CTCP;
 - Nghị định của Chính phủ số 199/2004/NĐ-CP ngày 3/12/2004 ban hành Quy chế quản lí tài chính của công ti nhà nước và quản lí vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp khác;
 - Nghị định của Chính phủ số 132/2005/NĐ-CP ngày 20/10/2005 về thực hiện các quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu nhà nước đối với công ti nhà nước;
 - Nghị định của Chính phủ số 80/2005/NĐ-CP ngày 22/6/2005 về giao, bán, khoán kinh doanh, cho thuê công ti nhà nước;
 - Nghị định của Chính phủ số 87/2005/NĐ-CP ngày 11/7/2005 về đăng ký kinh doanh HTX;
 - Nghị định của Chính phủ số 88/2005/NĐ-CP về một số chính sách hỗ trợ, khuyến khích phát triển HTX;
 - Nghị định của Chính phủ số 52/2006/NĐ-CP ngày 19/5/2006 về phát hành trái phiếu doanh nghiệp;
 - Nghị định của Chính phủ số 95/2006/NĐ-CP ngày 08/9/2006 về chuyển đổi công ti nhà nước thành công ti TNHH một thành viên;
 - Nghị định của Chính phủ số 88/2006/NĐ-CP ngày 29/8/2006 về đăng ký kinh doanh;
 - Nghị định của Chính phủ số 101/2006/NĐ-CP ngày 21/9/2006, quy định việc đăng ký lại, chuyển đổi và đăng ký đổi giấy chứng nhận đầu tư của các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài theo Luật doanh nghiệp và Luật đầu tư;
 - Nghị định của Chính phủ số 67/2006/NĐ-CP ngày 11/7/2006 hướng dẫn áp dụng Luật phá sản với doanh nghiệp đặc biệt và tổ chức hoạt động của tổ quản lí, thanh lí tài sản;
 - Nghị quyết của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao số 03/2005/NQ-HĐTP ngày 28/4/2005 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật phá sản.

HÌNH THỨC TỔ CHỨC DẠY HỌC

1. Lịch trình chung

VD	Hình thức tổ chức dạy học						Tổng số
	LT	Seminar	Làm BT	Tự NC	Thực hành	KTĐG	
1	1	1				Giao BT nhóm/tháng	
2	1						
3	1					Giao BT cá nhân/tuần	
4	2		1			Nộp BT cá nhân/tuần	

5	1	1	1				
6				2		Nộp BT nhóm/tháng	
7	1			1			
8	1	1				Giao BT nhóm/tháng	
9	1			1			
10	1						
11	1		1			Nộp BT nhóm/tháng	
12	1			1		Giao BT cá nhân/tuần	
13	1		1			Nộp BT cá nhân/tuần	
14	1	1	1				
15	1	1				Nộp BT lớn/học kì	
Tổng	15 giờ TC	5 giờ TC	5 giờ TC	5 giờ TC			=30 giờ TC

7.2. Lịch trình chi tiết

Tuần 1:

H/thức tổ chức day học	TG, ĐĐ	Nội dung chính	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị	Ghi chú
Lí thuyết	1 giờ TC	- Giới thiệu, hướng dẫn sinh viên nhận thức các vấn đề cơ bản về thương nhân và hành vi thương mại. Cụ thể: + Về thương nhân, bao gồm các nội dung: Khái niệm, đặc điểm thương nhân; Phân loại thương nhân; Chế độ trách nhiệm tài sản của thương nhân; + Về hành vi thương mại, bao gồm các vấn đề: Khái niệm hành vi thương mại; Đặc điểm của hành vi thương mại; Phân loại hành vi thương mại. - Hướng dẫn sinh viên vấn đề áp dụng pháp luật trong điều chỉnh các quan hệ thương mại.	* Đọc: - Chương 1, Giáo trình luật kinh tế (tập 1), Khoa Luật, ĐHQG Hà Nội, 2006; - Francis Lemeunier, Nguyên lí và thực hành luật thương mại, luật kinh doanh, Nxb. CTQG, Hà Nội, 1993, (chương 1, 2, 3); - Lê Tài Triển, "Những hành vi thương mại thuần túy", <i>Luật thương mại Việt Nam dẫn giải</i>, quyển 1, Kim Lai ấn quán, Sài Gòn, 1972.	Mượn tài liệu tại thư viện.

Thảo luận	1 giờ TC	Sự thay đổi chức năng kinh tế của nhà nước trong KTTT	- Nhóm lập dàn ý các vấn đề thảo luận, tài liệu hỗ trợ. - Đọc các tài liệu, tình huống do giáo viên cung cấp	
KTĐG	Giao bài tập nhóm/tháng			

Tuần 2:

H/thức tổ chức dạy học	TG, ĐĐ	Nội dung chính	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị	Ghi chú
Lí thuyết	2 giờ tín chỉ	- Giới thiệu về bản chất và những thuộc tính của doanh nghiệp; - Giới thiệu khái niệm và đặc điểm của doanh nghiệp tư nhân; - Giới thiệu khái niệm và đặc điểm của hộ kinh doanh; - Giới thiệu các quy định pháp luật về DNTN và HKD. - Giới thiệu khái quát những nội dung chính về công ti hợp danh: + Khái niệm và đặc điểm; + Thành viên công ti hợp danh; + Vấn đề vốn của công ti hợp danh: Góp vốn của các thành viên (vốn điều lệ); - Hướng dẫn, phân công nhiệm vụ cho các nhóm làm bài tập.	* Đọc: - Chương II, Giáo trình luật kinh tế, Khoa luật - Đại học quốc gia Hà Nội, 2006; - Pháp luật về tổ chức các hình thức kinh doanh, Nxb. Tư pháp, Hà Nội, 2007, (chương I); - Nghị định của Chính phủ số 88/2006/NĐ-CP ngày 29/8/2006; - Nghiên cứu các quy định về DNTN, các điều từ 141 - 145 Luật doanh nghiệp năm 2005. - Chương III (mục IV), Giáo trình luật thương mại (tập 1), Trường Đại học Luật Hà Nội, 2006; - Luật doanh nghiệp năm 2005.	
KTĐG				

Tuần 3:

H/thức tổ chức dạy học	TG, ĐĐ	Nội dung chính	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị	Ghi chú
Lí thuyết	2 giờ	- Giới thiệu khái niệm, đặc điểm pháp lí của CTCP.	* Đọc: - Giáo trình luật kinh tế, tập	

tín chỉ	- Giới thiệu các các vấn đề lí luận và quy định pháp luật về vốn của CTCP, bao gồm: + Khái niệm về vốn và cấu trúc vốn của CTCP + Tài sản góp vốn và chuyển quyền sở hữu tài sản góp vốn + Định giá tài sản góp vốn + Hình thức huy động vốn của CTCP + Chuyển nhượng vốn của CTCP	1, Khoa luật - Đại học Quốc gia Hà Nội (tr. 99 - 159); - Luật doanh nghiệp năm 2005 và các văn bản hướng dẫn thi hành.	
KTĐG	Nộp bài tập cá nhân/tuần		

Tuần 4:

H/thức tổ chức day học	TG, ĐĐ	Nội dung chính	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị	Ghi chú
Bài tập	1 giờ TC	Bài tập về chuyển nhượng cổ phần, quản trị công ty cổ phần	Đọc, phân tích tình huống do giáo viên cung cấp	
Lí thuyết	1 giờ tín chỉ	- Giới thiệu khái niệm, đặc điểm của công ti TNHH 2 thành viên trở lên, công ti TNHH 1 thành viên theo Luật doanh nghiệp năm 2005 và pháp luật các nước trên thế giới; - Giới thiệu về vốn của công ti TNHH; - Giới thiệu về việc chuyển nhượng và mua lại vốn của các thành viên công ti TNHH;	* Đọc: - Luật doanh nghiệp năm 2005; - Luật doanh nghiệp năm 1999; - Chương III, Giáo trình luật thương mại, Trường Đại học Luật Hà Nội; - Giáo trình luật kinh tế (tập 1), Khoa luật - Đại học Quốc gia Hà Nội; - Các bài viết trên các báo, tạp chí chuyên ngành về công ti TNHH.	
KTĐG	Nộp bài tập cá nhân/tuần			

Tuần 5:

H/thức tổ chức day học	TG, ĐĐ	Nội dung chính	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị	Ghi chú
------------------------------	-----------	----------------	----------------------------	---------

Thảo luận	1 giờ TC	Tình huống về quản trị công ty TNHH	Đọc và phân tích tình huống do GV cung cấp	
Bài tập	1 giờ TC	Bài tập về vốn góp và chuyển nhượng vốn góp trong công ty TNHH	Đọc và phân tích tình huống do GV cung cấp	
KTĐG	Nộp bài tập nhóm/tháng			

Tuần 6:

H/thức tổ chức dạy học	TG, ĐĐ	Nội dung chính	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị	Ghi chú
Tự NC	2 giờ tín chỉ	- Khái niệm, đặc điểm công ti nhà nước. - Những đặc thù của công ti nhà nước trong tổ chức quản lí và chuyển đổi sở hữu. - Quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu nhà nước đối với công ti nhà nước.	* Đọc: - Chương VI, Giáo trình luật thương mại, Trường Đại học Luật Hà Nội, 2006; - Doanh nghiệp có vốn đầu tư nhà nước; - Viện nghiên cứu quản lí kinh tế trung ương, <i>Pháp luật điều chỉnh và mô hình chủ sở hữu theo kinh nghiệm quốc tế</i>, Nxb. Thống kê, Hà Nội, 2005; - Luật doanh nghiệp nhà nước năm 2003 và các văn bản hướng dẫn thi hành; - Luật doanh nghiệp năm 2005.	
KTĐG				

Tuần 7:

H/thức tổ chức dạy học	TG, ĐĐ	Nội dung chính	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị	Ghi chú
Lí thuyết	1 giờ tín chỉ	- Giới thiệu thủ tục thành lập doanh nghiệp. - Giới thiệu quy chế pháp lí về thành viên. - Đưa ra 1 số tình huống cụ thể liên quan đến thành lập	- Luật doanh nghiệp năm 2005; - Luật doanh nghiệp năm 1999; - Chương III, Giáo trình luật thương mại, Trường Đại học Luật Hà Nội; - Giáo trình luật kinh tế, tập 1, Khoa luật - Đại học Quốc gia Hà Nội; - Các bài viết trên các báo, tạp chí chuyên ngành; - Văn bản quy phạm pháp luật, giáo trình, tài liệu tham khảo theo chỉ dẫn của GV.	Mượn tài liệu tại thư viện trường

		doanh nghiệp và quy chế thành viên. - Hướng dẫn, phân công nhiệm vụ cho các nhóm.		
Tự NC	1 giờ tín chỉ	Tự tìm hiểu và nghiên cứu các vấn đề về thành lập doanh nghiệp và quy chế thành viên		
KT ĐG	Giao bài tập nhóm/tháng			

Tuần 8:

H/thức tổ chức dạy học	TG, ĐĐ	Nội dung chính	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị	Ghi chú
Lí thuyết	1 giờ tín chỉ	- Giới thiệu lí thuyết về quản trị doanh nghiệp. - Quy định pháp luật hiện hành về quản trị doanh nghiệp.	* Đọc: - Giáo trình luật kinh tế, tập 1, Khoa Luật, ĐHQG Hà Nội, 2006; - Quản trị công ti, nâng cao năng lực cạnh tranh và tiếp cận nguồn vốn trên thị trường toàn cầu, 1998; - Luật doanh nghiệp, Luật doanh nghiệp nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành; - Đọc các luận văn, luận án về quản trị doanh nghiệp...	
Thảo luận	1 giờ tín chỉ	- Các quan điểm về quản trị doanh nghiệp. - So sánh mô hình quản trị giữa các doanh nghiệp.		

Tuần 9:

H/thức tổ chức dạy học	TG, ĐĐ	Nội dung chính	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị	Ghi chú
------------------------	--------	----------------	----------------------------	---------

Lí thuyết	1 giờ tín chỉ	- Giới thiệu về các hình thức tổ chức lại doanh nghiệp. - Giới thiệu về các trường hợp giải thể.	* Đọc: - Giáo trình luật kinh tế, tập 1, Khoa Luật, ĐHQG Hà Nội, 2006; - Giáo trình luật thương mại, tập I, Trường Đại học Luật Hà Nội, 2006 (tr. 39 - 45); - Giáo trình, Các công ti xuyên quốc gia, Nxb. Đại học quốc gia TP Hồ Chí Minh (tr. 90 - 105).	
Tự NC	1 giờ tín chỉ	Tự tìm hiểu và nghiên cứu các vấn đề nhằm thực hiện các mục tiêu trong vấn đề thứ 9: Quy chế pháp lí về tổ chức lại và giải thể doanh nghiệp.	Đọc kĩ tài liệu và văn bản pháp luật	
KTĐG	Giao bài tập cá nhân/tuần			

Tuần 10:

H/thức tổ chức dạy học	TG, ĐĐ	Nội dung chính	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị	Ghi chú
Lí thuyết	2 giờ tín chỉ	* Trình bày khái quát phá sản và pháp luật về phá sản. - Bình luận và đánh giá được những ưu điểm và hạn chế của dấu hiệu xác định tình trạng phá sản. - Bình luận sự phát triển của pháp luật pháp luật phá sản Việt Nam. * Trình bày khái quát thủ tục phá sản doanh nghiệp, HTX.	* Đọc: - Chương XX, Chuyên khảo Luật kinh tế, PGS.TS. Phạm Duy Nghĩa, NXB ĐHQGHN; 2005 - Luật phá sản năm 2004; - Nghị định số 67/2006/NĐ-CP ngày 11/7/2006; - Nghị quyết của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao số 03/NQ-HĐTP về hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật phá sản.	
KTĐG	Nộp bài tập cá nhân/tuần			

Tuần 11:

H/thức tổ chức dạy học	TG, ĐĐ	Nội dung chính	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị	Ghi chú
Bài tập	1 giờ TC	Bài tập về xử lý nợ, phân chia tài sản	Đọc và phân tích các bài tập, tình huống do GV cung cấp	
Lí thuyết	1 giờ tín chỉ	Trình bày khái niệm, đặc điểm và phân loại hợp đồng	* Đọc: - Cẩm nang về pháp luật hợp đồng, VCCI, NXB CTQG, 2006 - Bộ luật dân sự 2005 - Luật thương mại 2005	
KTĐG				

Tuần 12:

H/thức tổ chức dạy học	TG, ĐĐ	Nội dung chính	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị	Ghi chú
Tự NC	1 giờ TC	- Khái niệm hợp đồng theo pháp luật một số nước trên TG - Các loại hợp đồng thông dụng	- Đọc tài liệu do GV cập nhật và cung cấp - Nghiên cứu Luật thương mại 2005	
Lí thuyết	1 giờ tín chỉ	Trình bày khái quát về giao kết và thực hiện hợp đồng	* Đọc: - Cẩm nang về pháp luật hợp đồng, VCCI, NXB CTQG, 2006	
KTĐG	Giao bài tập lớn/ kỳ			

Tuần 13:

H/thức tổ chức dạy học	TG, ĐĐ	Nội dung chính	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị	Ghi chú
Bài tập	1 giờ TC	Bài tập về giao kết hợp đồng	Đọc và nghiên cứu tình huống do GV cung cấp	
Lí thuyết	1 giờ tín	Trình bày bản chất hợp đồng vô hiệu, nguyên tắc và cách	* Đọc: - Cẩm nang về pháp luật hợp đồng, VCCI, NXB CTQG, 2006	

	chỉ	thức xử lý HĐVH.	- Francis Lemeunier, <i>Nguyên lí thực hành luật thương mại, luật kinh doanh</i> , Nxb. CTQG, Hà Nội, 1993;	
KTĐG				

Tuần 14:

H/thức tổ chức dạy học	TG, ĐĐ	Nội dung chính	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị	Ghi chú
Thảo luận	1 giờ tín chỉ	Bản chất của hợp đồng vô hiệu và xử lý hợp đồng vô hiệu	Đọc: tình huống do GV cung cấp	
Tự NC	1 giờ tín chỉ	Vô hiệu tuyệt đối và vô hiệu tương đối	Đọc: Francis Lemeunier, <i>Nguyên lí thực hành luật thương mại, luật kinh doanh</i> , Nxb. CTQG, Hà Nội, 1993;	
KTĐG	Nộp bài tập nhóm/tháng			

Tuần 15:

H/thức tổ chức dạy học	TG, ĐĐ	Nội dung chính	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị	Ghi chú
Lí thuyết	1 giờ tín chỉ	Trình bày khái quát về vi phạm hợp đồng và chế tài	Đọc: - Cẩm nang về pháp luật hợp đồng, VCCI, NXB CTQG, 2006	
Thảo luận	1 giờ tín chỉ	Phạt hợp đồng và Bồi thường thiệt hại	Đọc: Tình huống do GV cung cấp	
KTĐG	Nộp bài tập lớn/học kì			

8. CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI MÔN HỌC

- Học viên phải có mặt ít nhất 80% số giờ lý thuyết trên lớp, có tinh thần ham học hỏi, đọc trước các tài liệu mà GV yêu cầu
- Học viên phải tham gia làm bài tập cá nhân, bài tập nhóm và bài tập lớn theo yêu cầu của đề cương

9. PHƯƠNG PHÁP, HÌNH THỨC KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ

9.1. Đánh giá thường xuyên

- Kiểm diện;
- Minh chứng tham gia seminar, làm việc nhóm, trắc nghiệm, bài tập.

9.2. Đánh giá định kỳ

Hình thức	Tỉ lệ
Bài tập cá nhân/tuần	15%
Bài tập nhóm/tháng	15%
Bài tập lớn/học kỳ	20%
Thi cuối kỳ	50%

9.3. Tiêu chí đánh giá

➤ Bài tập cá nhân/tuần

- Hình thức: Bài viết từ 2 đến 3 trang trên khổ giấy A4; cỡ chữ 14; font: Times New Roman hoặc Vn.Time; kích thước các lề trên, dưới, trái, phải theo thứ tự 2.5cm, 2.5cm, 3.5cm, 2cm, dẫn dòng 1.5lines (hoặc yêu cầu viết tay).
- Nội dung: Kiểm tra thái độ tự học, tự nghiên cứu một mục tiêu cụ thể trong nội dung của từng tuần.
- Tiêu chí đánh giá:
 - + Xác định đúng vấn đề cần phân tích, bình luận, nghiên cứu.
 - + Bài viết đảm bảo tính trung thực, có liên hệ thực tiễn.
 - + Ngôn ngữ trong sáng, chuẩn theo tiếng Việt
 - + Tài liệu tham khảo hợp lệ

➤ Bài tập nhóm/tháng

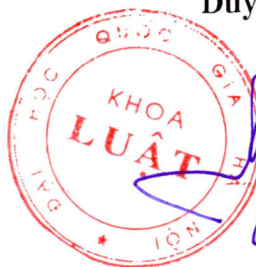
- Hình thức: Nhóm trình bày báo cáo dưới dạng tiểu luận, bài viết từ 5 đến 10 trang trên khổ giấy A4; cỡ chữ 14; font: Times New Roman hoặc Vn.Time; kích thước các lề trên, dưới, trái, phải theo thứ tự 2.5cm, 2.5cm, 3.5cm, 2cm, dẫn dòng 1.5lines (hoặc yêu cầu viết tay).
- Nội dung: Giải quyết một trong các bài tập nhóm/tháng (trong bộ bài tập); thái độ của các thành viên của nhóm cũng như khả năng phối hợp làm việc nhóm, khi giải quyết bài tập được giao.
- Tiêu chí đánh giá:
 - + Yêu cầu đối với bài viết:
 - Xác định vấn đề rõ ràng, hợp lý, khả thi
 - Phân tích lập luận logic, có liên hệ thực tiễn
 - Ngôn ngữ trong sáng, chuẩn theo tiếng Việt

- Hình thức: Thi viết hoặc thi vấn đáp
- Nội dung: 15 vấn đề đã được nghiên cứu và những vấn đề tự nghiên cứu.
- Tiêu chí đánh giá:
 - + Đối với thi vấn đáp:
 - Trả lời chính xác, rõ ràng, khúc chiết câu hỏi chính: 7 điểm;
 - Trả lời rõ ràng, chính xác câu hỏi thêm: 3 điểm.
 - + Đối với thi viết: Theo đáp án chi tiết của Bộ môn.

Duyệt

Chủ Nhiệm Bộ Môn

Giảng viên



K/T CHỦ NHIỆM KHOA
PHÓ CHỦ NHIỆM

TS. Nguyễn Thị Quốc Anh

PGS.TS. Phạm Đình Nghĩa

Nguyễn Tông Kỳ

Trần Anh Tú

cuu duong than cong. com

cuu duong than cong. com

